TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:**445**/2025/HSPT
Ngày: 22/05/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
+ Thẩm phán Chủ toạ phiên toà: Bà Tô Thanh Tú
+ Các Thẩm phán: Bà Đặng Thị Thanh Huyền
Bà Chử Phương Ngọc

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Tiệp Anh - Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 05 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 1180/2024/HSPT ngày 26/12/2024 do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Duy H, Nguyễn Mai D, Hà Quang T, Cao Trọng Đ, Nguyễn Đức T1 và của người bị hại Nguyễn Đình T2 đối với bản án hình sự sơ thẩm số 43/2024/HSST ngày 02/07/2024 của Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Duy H (tên gọi khác: Không); giới tính: N; sinh năm 1979 tại thành phố Hải Phòng; ĐKHKTT: Số G phố T, phường H, quận L, thành phố Hải Phòng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Họ và tên bố: Nguyễn Duy T3 (đã chết); Họ và tên mẹ: Mai Thị L; H1 và tên vợ: Phạm Thu H2; Bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2012; D1 chỉ bản số 348 lập ngày 21/11/2023; Tiền án, tiền sự không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/11/2023 đến ngày 05/02/2024 thay đổi biện pháp ngăn chặn; Hiện bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Mai D (tên gọi khác không); giới tính N; sinh năm 1983 tại thành phố Hải Phòng; ĐKHKTT: tổ dân phố số A, thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo:

Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Họ và tên bố: Nguyễn Duy T3 (đã chết); Họ và tên mẹ: Mai Thị L; H1 và tên vợ: Nguyễn Thị Thu H3; Bị cáo có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2013; D1 chỉ bản số 349 lập ngày 21/11/2023; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án số 01/2009/HSST ngày 05/01/2009, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/10/2009 và đã nộp án phí sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm. Đối với khoản tiền D phải bồi thường cho anh Phạm Thái S là 5.000.000 đồng, đến nay đã hết thời hiệu yêu cầu thi hành án nên được xóa án tích; Ngày 12/6/2011, Công an quận N Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can về tội *"Cố ý gây thương tích"*. Ngày 06/02/2012, Viện kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền ra Quyết định tạm đình chỉ vụ án đối với Nguyễn Mai D về tội Cố ý gây thương tích do bị cáo D đang mắc bệnh hiểm nghèo, cần phải điều trị thường xuyên, lâu dài tại các cơ sở y tế chuyên khoa. Đến nay Viện kiểm sát nhân dân quận N vẫn đang tạm đình chỉ, chưa có quyết định phục hồi đối với bị cáo. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/11/2023 đến 05/02/2024 thay đổi biện pháp ngăn chặn; Hiện bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt tại phiên tòa.

3. Hà Quang T (tên gọi khác: Không); giới tính: N; sinh năm 1990 tại thành phố Hải Phòng; ĐKHKTT: Tổ dân phố số A, thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Họ và tên bố: Hà Quang S1; Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị T4; H1 và tên vợ: Lê Thị N1; Bị cáo có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 22/10/2008, Công an thị trấn C xử phạt 300.000 đồng về hành vi *"Say rượu, bia gây mất trật tự công cộng"*. Đã nộp tiền phạt hành chính ngày 24/10/2008; Ngày 16/7/2017, Công an huyện C xử phạt 2.500.000 đồng về hành vi *"Xâm hại sức khoẻ của người khác"*. Đã nộp tiền phạt hành chính ngày 18/7/2017; Ngày 03/7/2020, UBND thị trấn C Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại thị trấn theo Quyết định số 183/QĐ-UBND thời hạn 03 tháng. Đã chấp hành xong ngày 03/10/2020; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/11/2023 đến 18/01/2024 thay đổi biện pháp ngăn chặn; Hiện bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt tại phiên tòa.

4. Cao Trọng Đ (tên gọi khác: Không); giới tính: N; sinh năm 1993 tại thành phố Hải Phòng; ĐKHKTT: tổ dân phố A, thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12; Họ và tên bố: Cao Văn T5; Họ và tên mẹ: Đặng Thị N2; H1 và tên vợ: Nguyễn Ngọc

A; Bị cáo có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2017, con nhỏ nhất sinh năm 2019; D1 chỉ bản số 352 lập ngày 21/11/2023; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 12/01/2012, Ủy ban nhân dân thành phố H Quyết định đưa vào trường giáo dưỡng do hành vi "*Gây rối trật tự công cộng*", thời hạn 24 tháng. Đã chấp hành xong quyết định ngày 11/11/2014; Ngày 28/7/2020, Công an huyện C, thành phố Hải Phòng khởi tố vụ án, khởi tố bị can về hành vi *"Cố ý gây thương tích"*. Ngày 24/8/2020, Công an huyện C, thành phố Hải Phòng Quyết định đình chỉ điều tra vụ án hình sự số 01 và đình chỉ điều tra bị can số 01 đối với Cao Trọng Đ về tội "*Cố ý gây thương tích"* do người bị hại rút đơn yêu cầu khởi tố vụ án và khởi tố bị can; Ngày 07/9/2020, Công an huyện C, thành phố Hải Phòng xử phạt 2.500.000 đồng về hành vi *"Xâm hại sức khoẻ của người khác"* theo Quyết định số 36/QĐ-XPKLBB. Đã nộp tiền phạt hành chính ngày 01/3/2024; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/11/2023 đến 18/01/2024 thay đổi biện pháp ngăn chặn; Hiện bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt tại phiên tòa.

5. Nguyễn Đức T1 (tên gọi khác: Không); giới tính: N; sinh năm 1993 tại thành phố Hải Phòng; ĐKHKTT: tổ dân phố A, thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Họ và tên bố: Nguyễn Xuân C; Họ và tên mẹ: Bùi Thị H4; D1 chỉ bản số 351 lập ngày 21/11/2013; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 11/10/2020, Công an huyện C, thành phố Hải Phòng xử phạt 750.000 đồng về hành vi *"Sử dụng trái phép chất ma tuý"*. Đã nộp tiền phạt ngày 05/3/2024; Ngày 12/10/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, thành phố Hải Phòng Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can về tội *"Cố ý gây thương tích"*. Ngày 05/3/2021, Toà án nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng Quyết định đình chỉ vụ án số 01/2021/HSST-QĐ do người bị hại rút yêu cầu khởi tố; Ngày 09/12/2020 Công an huyện C, thành phố Hải Phòng Quyết định số 76/QĐ-XPVPHC xử phạt 750.000 đồng về hành vi *"Sử dụng trái phép chất ma tuý"*. Đã nộp tiền phạt ngày 09/12/2020; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/11/2023 đến 18/01/2024 thay đổi biện pháp ngăn chặn; Hiện bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt tại phiên tòa.

***** *Người bị hại có kháng cáo:* Ông Nguyễn Đình T2, sinh năm 1992;

Trú tại: Thôn B, xã P, huyện Q, thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên toà.

***** *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại:* Luật sư Nguyễn Huy A1, Văn phòng L1 thuộc Đoàn luật sư thành phố H, Vắng mặt tại phiên toà.

Ngoài ra trong vụ án còn có Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Văn H5, sinh năm 1990; Nơi cư trú: tổ dân phố G, thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng; bà Vũ Thị N3**,** sinh năm 1992 (vợ ông T2); Nơi cư trú: Thôn B, xã P, huyện Q, thành phố Hà Nội; bà Nguyễn Thị T6, sinh năm 1987 (chị gái ông T2); Nơi cư trú: Thôn P, xã N, huyện Q, thành phố Hà Nội không có kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quốc Oai và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai thì vụ án có nội dung như sau:

Từ tháng 7 đến tháng 9/2023 ông Nguyễn Đình T2 - Giám đốc Công ty TNHH S2 đã nhiều lần mua phế liệu nhựa xay của Nguyễn Duy H về để sản xuất tấm nhựa Aluminum (ALU) và còn nợ H 336.584.600 đồng tiền mua hàng. Do thấy ông T2 có dấu hiệu không trả nợ nên ngày 28/10/2023, H cùng em trai là Nguyễn Mai D và bạn của D là Hà Quang T đi từ Hải Phòng đến công ty của ông T2 yêu cầu trả nợ. Tại đây, ông T2 đã viết giấy xác nhận nợ với H và cam kết kể từ ngày 30/10/2023 mỗi ngày ông T2 sẽ trả cho H số tiền 15.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ thì H đồng ý. Từ ngày 31/10/2023 đến ngày 03/11/2023 ông T2 đã trả cho H được 40.000.000 đồng rồi ngừng trả. H nhiều lần gọi điện yêu cầu ông T2 trả tiền nhưng đều không liên lạc được. Tối ngày 10/11/2023, H rủ D sáng hôm sau đến công ty của ông T2 để đòi nợ số tiền mà ông T2 chậm trả theo thoả thuận thì D đồng ý. Đến sáng ngày 11/11/2023, D rủ thêm Hà Quang T; Nguyễn Đức T1; Cao Trọng Đ; Đỗ Đức T7; Trần Văn H5 và T rủ thêm Phạm Minh V; Đỗ Thanh T8 đều ở huyện C, thành phố Hải Phòng đi lên thành phố Hà Nội để chơi thì tất cả đồng ý. Sau đó Nguyễn Duy H điều khiển xe ô tô Ford Everest chở T7, D, Trần Văn H5; Đ điều khiển xe ô tô Huyndai Santafe chở V, T8, T, T1 đi đến công ty của ông T2. Trên đường đi H5 và D bàn bạc với các đối tượng là đến nhà ông T2 đòi tiền ông T2 nợ H5.

Khi đến nơi Nguyễn Duy H, Trần Văn H5, T, T1 đi vào trong phòng làm việc của ông T2. Còn V, T7, T8, Trần Văn H5 đứng ở bên ngoài. Khi ở trong phòng thì Nguyễn Duy H đề nghị ông T2 ra bên ngoài nói chuyện nhưng ông T2 không ra nên H và T ôm, kéo ra ông T2 ra bên ngoài thì ông T2 hô "*Cướp, cướp*". Khi lôi được ông T2 ra khỏi cửa phòng thì Nguyễn Duy H, D, Thái ôm, đẩy ông T2 vào góc hiên nhà. D tiếp tục ôm, giữ khống chế ông T2, T1 chạy về phía xưởng sản xuất của Công ty lấy 01 gậy gỗ rồi chỉ về phía công nhân trong xưởng và không cho ai vào can ngăn. Trương Văn H6 là công nhân của ông T2 yêu cầu T1 bỏ gậy xuống thì T1 đưa gậy cho anh H6. Khi ông T2 đang bị D khống chế, ôm giữ tại góc hiên nhà thì Nguyễn Duy H

nói với ông T2: "*Chốt lại mày có trả tiền cho tao không ?*". Ông T2 không đồng ý trả tiền và hô to: "*Cướp, đóng cổng vào, đóng cổng vào*". Do bực tức về việc ông T2 đã không trả nợ mà lại hô "*Cướp, cướp*" nên Nguyễn Duy H đã tát 02 cái trúng vào mặt ông T2; T lao vào dùng chân đá 02 phát trúng vào người ông T2. Ông T2 tiếp tục hô to: *"Cướp, gọi công an đến"* thì bị Nguyễn Duy H dùng chân đá 02 phát trúng vào chân. T dùng tay đấm 01 cái trúng vào người ông T2 và chỉ về phía ông T2 nói *"Mày có trả tiền anh tao không?"*.

Thấy ông T2 bị kích động nên Trần Văn H5 nói với ông T2*: "Bình tĩnh nói chuyện mà giải quyết".* Sau đó bà Vũ Thị N3 (là vợ của ông T2) đi ra nói với Nguyễn Duy H sẽ đứng ra trả nợ thay ông T2 và hẹn trong ngày 11/11/2023 sẽ trả trước cho H 100.000.000 đồng. H đồng ý và không có ai trong nhóm của H đánh, khống chế ông T2 nữa. Lúc này ông T2 đứng dậy định đi vào phòng làm việc thì bị Nguyễn Duy H, T1, D giữ lại và nói phải giải quyết xong việc nợ tiền thì mới được vào. Bà N3 lo sợ ông T2 tiếp tục bị đánh nên chạy về phía ông T2 và nói với H *"Để em đứng ra giải quyết"*. Do không muốn bà N3 tự ý đứng ra trả tiền nên ông T2 nói: "*Mày ngu lắm, làm sao phải trả tiền"* rồi tát 01 cái vào mặt bà N3. Thấy ông T2 có thái độ không muốn trả nợ nên Nguyễn Duy H, T, T1, Đ lao vào dùng chân, tay tiếp tục đấm đá ông T2. Bà Nguyễn Thị T6, là chị gái của ông T2 chạy đến can ngăn che chắn cho ông T2 thì bị T1 đang đánh ông T2 đạp trúng vào bụng và đấm 01 phát trúng vào bắp tay trái bà T6. Sau đó những người công nhân ở xưởng vào can ngăn nên nhóm của H không đánh ông T2 nữa, đồng thời bà T6 đã gọi điện thoại báo tin cho Trung tâm C2 – Công an thành phố H. Trung tâm đã báo tin cho Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Q đến hiện trường để giải quyết vụ việc, thu giữ tang vật có liên quan, ghi lời khai nhân chứng và đưa các đối tượng về trụ sở Cơ quan Cảnh sát điều tra để làm rõ nội dung vụ việc.

Về số tiền H và đồng phạm nhằm chiếm đoạt: Theo cam kết giữa ông T2 với H thì mỗi ngày ông T2 phải trả cho H số tiền nợ là 15.000.000 đồng. Tính từ ngày 31/10/2023 đến 11/11/2023, số tiền ông T2 phải trả cho H là 150.000.000 đồng. Thực tế ông T2 đã trả 40.000.000 đồng nên còn nợ H số tiền là 110.000.000 đồng. Khi bà N3 là vợ ông T2 nói sẽ đứng ra trả thay ông T2 100.000.000 đồng thì H đồng ý. Vì vậy có cơ sở xác định số tiền H và đồng phạm nhằm chiếm đoạt của ông T2 là 100.000.000 đồng.

Ngoài việc H, D, T, T1, Đ đánh để ép buộc ông T2 phải trả nợ số tiền 100.000.000 đồng nêu trên, bà T6, bà N3 và bà H7 còn trình bày quá trình nhóm của H vào phòng làm việc gặp ông T2 thì H, T đã có hành vi mỗi người cầm 01 chiếc laptop trên bàn làm việc đập vào đầu ông T2 rồi mới lôi, kéo ông T2 ra bên ngoài để tiếp tục đánh và đòi nợ.

* Hậu quả: Ông T2 bị chấn thương phần mềm: Bầm tím ở vùng đầu, mặt, chảy máu mũi và phải điều trị tại Bệnh viện đa khoa huyện Q từ ngày 11/11/2023 đến ngày 13/11/2023 thì ra viện. Bà T6 bị bầm tím ở bắp tay trái nhưng không đi khám và điều trị tại cơ sở y tế nào.

* Vật chứng thu giữ: 01 máy tính Laptop nhãn hiệu Thinkpad màn hình bị rạn nứt; 01 máy tính Laptop nhãn hiệu Dell màu đen; Một số mảnh vỡ thủy tinh kích thước nhỏ; 01 gậy gỗ có chiều dài 130 cm; 01 xe ô tô nhãn hiệu Ford Everest màu đỏ BKS: 15A-463.51; 01 xe ô tô nhãn hiệu Huyndai Santafe màu trắng BKS: 15A-548.60; 06 video clip ghi lại hình ảnh xảy ra sự việc tại Công ty S2 và 01 giấy xác nhận công nợ và cam kết trả nợ ngày 28/10/2023 của ông Nguyễn Đình T2 với Nguyễn Duy H.

* Kết luận định giá tài sản: *Giá trị thiệt hại của màn hình máy tính Laptop Lennovo Thinkpad T470S màu đen bị hư hỏng là 883.000 đồng và giá trị thiệt hại của 4 chiếc cốc thuỷ tinh bị vỡ vụn là 80.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị thiệt hại là 963.000 đồng.*

* Kết quả trưng cầu giám định thương tích: *Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của anh T2 tại thời điểm giám định là 0%, vùng đầu mặt, mũi của anh Nguyễn Đình T2 không còn dấu vết thương tích nên không có cơ sở xác định cơ chế hình thành thương tích.*

Ngày 28/02/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Q ra Quyết định trưng cầu giám định thương tích của bà T6 và bà N3. Nhưng hai bà kiên quyết từ chối đi giám định, nên không xác định được tỷ lệ thương tích.

* Kết quả trưng cầu giám định dấu vết đường vân, giám định clip: *"Trên 01 máy tính Dell gửi giám định phát hiện thấy 01 dấu vết đường vân đủ yếu tố giám định. Dấu vết đường vân này không phải là dấu vân tay của ai trong số 08 người (nhóm của H) in mẫu vân so sánh gửi giám định"* và *"Không phát hiện thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong 06 (sáu) tệp video gửi giám định"*.

* Về xử lý vật chứng: Đối với 02 chiếc xe ô tô Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Q ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại 02 chiếc xe ô tô nêu trên cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Vũ Đình C1, ông Phạm Đức Đ1. Đối với các vật chứng còn lại chuyển đến Chi Cục thi hành án dân sự huyện Quốc Oai.

* Về dân sự: Ông Nguyễn Đình T2 yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại về tinh thần, sức khoẻ, tài sản cho ông là 3.100.000.000 (Ba tỷ một trăm triệu) đồng nhưng không cung cấp được hóa đơn, chứng từ chứng minh cho yêu cầu về bồi thường thiệt hại nêu trên. Bà Nguyễn Thị T6 yêu cầu đối tượng đã đánh gây thương tích cho bà phải bồi thường số tiền 100.000.000 (Một

trăm triệu) đồng nhưng cũng không cung cấp các hóa đơn, chứng từ để chứng minh cho yêu cầu bồi thường của mình.

- Bị cáo Nguyễn Duy H đề nghị ông T2 phải trả số tiền hàng còn nợ là 296.584.600 (Hai trăm chín mươi sáu triệu năm trăm tám mươi tư nghìn sáu trăm) đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 43/2024/HSST ngày 02/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội đã xử và quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Duy H, Nguyễn Mai D, Hà Quang T, Cao Trọng Đ, Nguyễn Đức T1 phạm tội *"Cướp tài sản"*.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 168; điểm b, s, e, h khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy H 36 *(ba sáu tháng tù)* tháng tù, được trừ 02 tháng 25 ngày tạm giữ, tạm giam (từ ngày 12/11/2023 đến 05/02/2024). Bị cáo còn phải chấp hành 33 (*ba mươi ba*) tháng 5 (*năm*) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng chung điểm đ khoản 2 Điều 168; Điểm b, s, e, h khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Mai D 35 *(ba mươi lăm)* tháng tù. Được trừ 2 tháng 25 ngày tạm giữ, tạm giam (từ ngày 12/11/2023 đến 05/02/2024). Bị cáo còn phải chấp hành 32 *(ba mươi hai*) tháng 5 *(năm)* ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Hà Quang T 34 *(ba mươi tư)* tháng tù. Được trừ 2 tháng 7 ngày tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/11/2023 đến 18/01/2024. Bị cáo còn phải chấp hành 31 *(ba mươi mốt)* tháng 23 *(hai mươi ba)* ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Cao Trọng Đ 34 *(ba mươi tư)* tháng tù. Được trừ 2 tháng 7 ngày tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/11/2023 đến 18/01/2024. Bị cáo còn phải chấp hành 31 *(ba mươi mốt)* tháng 23 *(hai mươi ba)* ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T1 34 *(ba mươi tư)* tháng tù. Được trừ 2 tháng 7 ngày tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/11/2023 đến 18/01/2024. Bị cáo còn phải chấp hành 31 *(ba mươi mốt)* tháng 23 *(hai mươi ba)* ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự: Trả lại cho ông Nguyễn Đình T2 01 máy tính Laptop nhãn

hiệu Thankpad, màu đen có kích thước (43 x 33. 2) cm màn hình bị rạn nứt; 01 máy tính Laptop nhãn hiệu Dell, màu đen, có kích thước (46 x 33 x 3) cm. Tịch thu, tiêu huỷ 01 số mảnh vỡ thuỷ tinh kích thước nhỏ; 01 gậy gỗ có chiều dài 130 cm, chiều rộng có kích thước (6x6) cm. Lưu giữ kèm hồ sơ vụ án 06 video clip ghi lại hình ảnh xảy ra sự việc tại Công tyu TNHH S2. Trả lại người bị hại: 01 giấy xác nhận công nợ và cam kết trả nợ ngày 28/10/2023 của ông Nguyễn Đình T2 với Nguyễn Duy H. (Các vật chứng trên có đặc điểm như Biên bản giao nhận vật chứng số 48/2024/THA ngày 22/5/2024 giữa Công an và Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Quốc Oai).

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo bồi thường thương tích, tiền công không lao động được, tiền laptop, 04 chiếc cốc, tiền tổn thất về tinh thần cho ông T2 số tiền 35.000.000 *(ba mươi lăm triệu)* đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo bồi thường thương tích, tiền công không lao động được tiền tổn thất về tinh thần cho bà N3 số tiền 5.000.000 *(năm triệu)* đồng.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Toà án: Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hợp lệ/.

Không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm, trong đơn kháng cáo đề ngày 03/7/2024, người bị hại là ông Nguyễn Đình T2 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị hủy bản án sơ thẩm và điều tra lại vụ án vì cho rằng cấp sơ thẩm đã không khởi tố, truy tố Phạm Minh V, Đỗ Đức T7, Đỗ Thanh T8, Trần Văn H5 với vai trò đồng phạm tội Cướp tài sản. Hành vi gây thương tích cho bà Nguyễn Thị T6 của Nguyễn Đức T1 là hành vi thể hiện Cố ý thực hiện tội phạm đến cùng; Cơ quan điều tra chưa tiến hành đối chất giữa bị cáo và người làm chứng về việc có hay không có hành vi sử dụng laptop đập, đánh vào đầu người bị hại. Người bị hại cho rằng cấp sơ thẩm có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm, mức hình phạt đối với các bị cáo là quá nhẹ so với hành vi phạm tội. Tại các đơn kháng cáo đề ngày 10/7/2024 của bị cáo Nguyễn Duy H, Hà Quang T, Nguyễn Mai D, Nguyễn Đức T1, Cao Trọng Đ xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ mới. Bị cáo Nguyễn Duy H rút yêu cầu ông Nguyễn Đình T2 trả số tiền nợ, xác định sẽ khởi kiện trong vụ án dân sự. Người bị hại vắng mặt tại phiên toà, tại các văn bản trình bày gửi đến Toà án vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ mới.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà sau khi phân tích tính chất vụ án, tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo đã kết luận:

Về hình thức: Kháng cáo của các bị cáo, người bị hại là đúng về chủ thể kháng cáo và còn trong thời hạn kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Nguyễn Duy H, Hà Quang T, Nguyễn Mai D, Nguyễn Đức T1, Cao Trọng Đ về tội *"Cướp tài sản*" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Đây là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn, không có yếu tố phân công vai trò, hứa hẹn lợi ích. Bị cáo Nguyễn Duy H có trách nhiệm hình sự cao nhất vì là người khởi xướng và tham gia đánh ông T2 đầu tiên, sau đó đến Nguyễn Mai D, Hà Quang T. Xét nguyên nhân phạm tội có một phần lỗi của người bị hại không trả tiền nợ dẫn tới hành vi vi iphamj pháp luật của các bị cáo. Rút kinh nghiệm Toà án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm quy định tại điểm e "Phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra" và điểm h "Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn" là không có căn cứ. Xét mức hình phạt của Toà án cấp sơ thẩm đưa ra đã tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, các bị cáo không xuất trình được các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Bị cáo H có vai trò chủ mưu, các bị cáo còn lại trong vụ án đều có nhân thân xấu nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo về việc giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo. Xét nội dung kháng cáo của người bị hại thấy: Về ý kiến cho rằng Toà án cấp sơ thẩm bỏ lọt hành vi của Phạm Minh V, Đỗ Đức T7, Đỗ Thanh T8, Trần Văn H5 đồng phạm tội "Cướp tài sản" thấy V, T7, T8, H5 đều không được bàn bạc trước, không tham gia đánh ông T2, không có hành vi hô hào, kích động. Vì vậy, không có căn cứ xác định V, T7, H8, H5 đồng phạm tội Cướp tài sản. Đối với hành vi T1 đánh bà T6 do bà T6 không đi giám định thương tích nên không xác định được hành vi phạm tội, Cơ quan điều tra Công an huyện Q xử phạt hành chính đối với hành vi này của T1 là phù hợp, có căn cứ. Đối với ý kiến cho rằng các bị cáo có hành vi đập laptop vào đầu ông T2, tại cấp sơ thẩm cơ quan điều tra đã điều tra, xác minh đầy đủ, không có căn cứ xác định các bị cáo phạm tội Huỷ hoại tài sản. Từ những

nhận định trên xác định không có căn cứ chấp nhận toàn bộ kháng cáo của người bị hại.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo và người bị hại, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 43/2024/HSST ngày 02/07/2024 của Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội cụ thể:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Duy H, Nguyễn Mai D, Hà Quang T, Cao Trọng Đ, Nguyễn Đức T1 phạm tội *"Cướp tài sản"*.

1.1. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy H 36 *(ba sáu tháng tù)* tháng tù, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/11/2023 đến 05/02/2024 vào thời gian chấp hành của bản án. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

1.2. Áp dụng chung điểm đ khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Mai D 35 *(ba mươi lăm)* tháng tù. Được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/11/2023 đến 05/02/2024 vào thời gian chấp hành của bản án. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Hà Quang T 34 *(ba mươi tư)* tháng tù. Được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/11/2023 đến 18/01/2024 vào thời gian chấp hành của bản án. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Cao Trọng Đ 34 *(ba mươi tư)* tháng tù. Được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/11/2023 đến 18/01/2024 vào thời gian chấp hành của bản án. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T1 34 *(ba mươi tư)* tháng tù. Được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/11/2023 đến 18/01/2024 vào thời gian chấp hành của bản án. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Các quyết định khác của bản án các bên không có ý kiến gì nên giữ nguyên, không xem xét.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, người bị hại đã khiếu nại Cơ quan Điều tra bỏ lọt tội phạm và bỏ lọt tội danh. Viện trưởng VKSND huyện Quốc Oai có Quyết định số 09/QĐ-VKSQO-KN ngày 06/5/2024 giải quyết khiếu nại. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được xem xét giải quyết theo trình tự hợp pháp.

Kháng cáo của các bị cáo và người bị hại là còn trong thời hạn kháng cáo và đúng về chủ thể kháng cáo nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của các bị cáo thì thấy:

Tại phiên toà hôm nay, các bị cáo thừa nhận thực hiện các hành vi như bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ nên có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 10 giờ ngày 11/11/2023, Nguyễn Duy H cùng Nguyễn Mai D, Hà Quang T, Cao Trọng Đ, Nguyễn Đức T1, Trần Văn H5, Phạm Minh V, Đỗ Đức T7, Đỗ Thanh T8 đến Công ty TNHH S2 của ông Nguyễn Đình T2 ở xã P, huyện Q, thành phố Hà Nội để yêu cầu ông T2 trả nợ. Do ông T2 không đồng ý trả nợ và còn hô *"Cướp, cướp"*, "*Cướp, đóng cổng vào, đóng cổng vào*"… nên D, T, Đ, T1, đã có hành vi ôm, giữ, khống chế và dùng chân, tay đánh gây thương tích cho ông T2 nhằm buộc ông T2 phải trả số tiền nợ. Bà N3 là vợ ông T2 đứng ra xin nhận trả nợ số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng thì H5 và đồng phạm nhất trí nhưng ông T2 không cho bà N3 trả nên nhóm của H5 tiếp tục đánh ông T2. Hậu quả: Ông Nguyễn Đình T2 bị chấn thương phần mềm: Bầm tím ở vùng đầu, mặt, chảy máu mũi và phải điều trị tại Bệnh viện đa khoa huyện Q từ ngày 11/11/2023 đến ngày 13/11/2023 thì ra viện. Bà Nguyễn Thị T6 bị bầm tím ở bắp tay trái nhưng không đi khám và điều trị tại cơ sở y tế nào. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của ông T2 là 0%, vùng đầu mặt, mũi của ông T2 không còn dấu vết thương tích nên không có cơ sở xác định cơ chế hình thành thương tích. Bà Vũ Thị N3 và bà Nguyễn Thị T6 đều từ chối tiến hành giám định nên dựa trên số tiền các bị cáo muốn chiếm đoạt của ông T2 xác định các bị cáo có mục đích chiếm đoạt số tiền là 100.000.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội "Cướp tài sản" thuộc tình tiết định khung *"Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng"* quy định tại điểm đ, khoản 2, điều 168 Bộ luật Hình sự. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Nguyễn Duy H, Hà Quang T, Nguyễn Mai D, Nguyễn Đức T1, Cao Trọng Đ theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự là có căn cứ

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất vụ án, tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo như: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra các bị cáo đều đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho gia đình bị hại; Các bị cáo phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của bị hại gây ra; Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại; Các bị cáo có thân nhân là người có công với cách mạng là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, e, h khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên áp dụng điều 54 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo được hưởng dưới khung hình phạt liền kề.

Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cho rằng không có căn cứ áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm e, h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử thấy : Đối với tình tiết quy định tại điểm e khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự ''*Phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra*", người bị hại ngoài lời nói không có hành vi trái pháp luật nào đối với các bị cáo tại thời điểm xảy ra hành vi phạm tội nên không có căn cứ áp dụng tình tiết này, đề xuất của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ nên được chấp nhận. Đối với tình tiết quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự "*Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn*" có căn cứ áp dụng do các bị cáo chưa chiếm đoạt được số tiền 100.000.000 đồng của người bị hại. Xét mức hình phạt của tòa án cấp sơ thẩm đưa ra là có căn cứ, tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo. Bị cáo Nguyễn Duy H có vai trò chủ mưu cầm đầu. Nhân thân của các bị cáo Cao Trọng Đ, Nguyễn Mai D, Nguyễn Đức T1, Hà Quang T xấu, đều từng bị xử lý hành vi vi phạm nhiều lần nên cần áp dụng hình phạt tù giam nghiêm khắc đối với các bị cáo, không có căn cứ cho các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội nên không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo, không chấp nhận kháng cáo tăng hình phạt của người bị hại.

Xét các đối tượng Phạm Minh V, Đỗ Đức T7, Đỗ Thanh T8, Trần Văn H5 cùng các bị cáo đến Công ty anh T2 đòi nợ. Khi đến Công ty thì V, T7, T8, H5 không thực hiện hành vi đánh hoặc đe dọa, ép buộc ông T2 phải trả tiền cho Nguyễn Duy H. Các đối tượng này cũng không có hành vi hô hào, cổ vũ, kích động các bị cáo thực hiện hành vi đánh đập, chửi bới ông T2 để cướp tài sản. Mặt khác Nguyễn Duy H và Nguyễn Mai D trên đường đi chỉ bàn bạc là đi đòi nợ cho H, không chuẩn bị hung khí, không có sự bàn bạc thống nhất từ trước nên hành vi của V, T7, T8 và Trần Văn H5 không đồng phạm với các bị cáo. Vì vậy, không có căn cứ xác định Toà án cấp sơ thẩm

bỏ lọt hành vi phạm tội đối với Phạm Minh V, Đỗ Đức T7, Đỗ Thanh T8, Trần Văn H5 nên không chấp nhận nội dung kháng cáo này của người bị hại.

Về nội dung kháng cáo của người bị hại cho rằng Cơ quan điều tra chưa tiến hành đối chất giữa bị cáo và người làm chứng về việc có hay không có hành vi sử dụng laptop đập, đánh vào đầu người bị hại không vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và không làm thay đổi các tình tiết của vụ án nên không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo này của người bị hại.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm người bị hại không xuất trình được các tài liệu chứng minh số tiền yêu cầu bồi thường thiệt hại 3.100.000.000 (Ba tỷ một trăm triệu) đồng nên không có căn cứ chấp nhận. Số tiền bồi thường thiệt hại các bị cáo đã tự nguyện nộp tại Cơ quan thi hành án dân sự huyện Q là phù hợp với mức thiệt hại của người bị hại nên có căn cứ ghi nhận.

Về ý kiến rút yêu cầu ông Nguyễn Đình T2 trả số tiền nợ của bị cáo Nguyễn Duy H là tự nguyện và có căn cứ nên chấp nhận.

Rút kinh nghiệm về cách tuyên án của Toà án cấp sơ thẩm về việc trừ thời gian tạm giữ, tạm giam vào thời gian chấp hành bản án của các bị cáo.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí hình sự sơ thẩm, quyền kháng cáo của các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn được giữ nguyên.

[3] Về án phí: Do các bị cáo không được chấp nhận kháng cáo nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 43/2024/HSST ngày 02/07/2024 của Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội, cụ thể:

1.1- Về tội danh**:** Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Duy H, Nguyễn Mai D, Hà Quang T, Cao Trọng Đ, Nguyễn Đức T1 phạm tội *"Cướp tài sản"*.

1.1. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 168; điểm b, s, h khoản 1; khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy H 36 (ba mươi sáu) tháng tù, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/11/2023 đến ngày 05/02/2024 vào thời gian chấp hành của bản án. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

1.2. Áp dụng chung điểm đ khoản 2 Điều 168; điểm b, s, h khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Mai D, Hà Quang T, Cao Trọng Đ, Nguyễn Đức T1:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Mai D 35 (ba mươi lăm) tháng tù, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/11/2023 đến ngày 05/02/2024 vào thời gian chấp hành của bản án. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Hà Quang T 34 (ba mươi tư*)* tháng tù, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/11/2023 đến ngày 18/01/2024 vào thời gian chấp hành của bản án. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Cao Trọng Đ 34 (ba mươi tư) tháng tù, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/11/2023 đến ngày 18/01/2024 vào thời gian chấp hành của bản án. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T1 34 (ba mươi tư) tháng tù, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/11/2023 đến ngày 18/01/2024 vào thời gian chấp hành của bản án. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo bồi thường thương tích, tiền công không lao động được, tiền bồi thường hư hỏng laptop, 04 chiếc cốc, tiền tổn thất về tinh thần cho ông Nguyễn Đình T2 số tiền 35.000.000 (ba mươi lăm triệu) đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo bồi thường thương tích, tiền công không lao động được, tiền tổn thất về tinh thần cho bà Vũ Thị N3 số tiền 5.000.000 *(năm triệu)* đồng.

Số tiền trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội theo các Biên lai thu tiền số 0020185 ngày 7/5/2024 của Nguyễn Mai D; số 0020188 ngày 7/5/2024 của Nguyễn Đức T1; số 00200187 ngày 7/5/2024 của Cao Trọng Đ; số 0020186 ngày 7/5/2024 của Hà Quang T và số 0020184 ngày 7/5/2024 của Nguyễn Duy H.

2. Về án phí**:** Áp dụng Điều 136- Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Toà án: Mỗi Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- CA, VKSND, Chi cục THADS, TAND h. Quốc Oai, TP Hà Nội.
- VKSND TP Hà Nội;
- Bị cáo; Người BH; Người có QLNVLQ
- UBND nơi các bị cáo cư trú;
- Lưu HS,VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tô Thanh Tú